

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN B  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **118/2023/DSST**

Ngày 30 tháng 6 năm 2023

*V/v: Tranh chấp Hợp đồng  
vay tài sản*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Sen***

***Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Bá Xuân***

***2. Ông Nguyễn Hải Hà***

***Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Quang Huy- Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố H***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mai Phương – Kiểm sát viên.***

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **293/2022/TLST-DS** ngày 22 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2023/QĐST-HPT ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà **Phạm Thị B**, sinh năm 1962; HKTT: Số 11 Khu tập thể C, phường N, quận B, thành phố H; Nơi ở: Số 11 ngách 173/137 đường H, phường N, quận B, thành phố H. Bà B có mặt.

- **Bị đơn**: Ông **Quách Văn T**, sinh năm 1958 và bà **Phùng Thị Bích L**; sinh năm 1960; Cùng HKTT: Số 20 ngõ 75 đường Đ, phường Đ, quận B, thành phố H; Nơi ở: Số 02 ngõ 115 đường Đ, phường Đ, quận B, thành phố H. Ông T và bà L vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm- Nguyên đơn - bà Phạm Thị B trình bày:***

Bà Phạm Thị B quen biết với vợ chồng ông Quách Văn T và bà Phùng Thị Bích L do trước đây bà L có bán hàng ăn, thỉnh thoảng bà B có ra quán của bà L ăn bún ngan nên mới quen biết ông T và bà L.

Khoảng năm 2018, vợ chồng ông T và bà L có nhu cầu vay tiền để mua nhà đất nên có hỏi vay tiền của bà B. Vì bà B tin tưởng ông T, bà L nên bà đã đồng ý cho ông Thế và bà Loan vay tổng số tiền là: 300.000.000đồng ( Ba trăm triệu đồng), cụ thể như sau:

- Ngày 15/6/2018, bà B cho ông Quách Văn T và bà Phùng Thị Bích L vay số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng), có viết Giấy vay tiền ngày 15/6/2018. Ông T là người viết Giấy vay tiền, bà L và ông T cùng ký vào Giấy vay tiền trên.

- Ngày 03/7/2018, bà B cho ông Quách Văn T và bà Phùng Thị Bích L vay số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), có viết Giấy vay tiền ngày 03/7/2018. Ông T là người viết và ký Giấy vay tiền trên. Bà B khẳng định bà L và ông T cùng vay số tiền trên của bà vì ông T và bà L cùng đến nhà bà B để vay tiền và trực tiếp nhận tiền của bà.

Cả hai lần vay tiền trên vợ chồng ông T và bà L cùng đến nhà bà B để vay và nhận tiền.

Tại cả hai Giấy vay tiền trên, giữa bà B với vợ chồng ông T, bà L không thỏa thuận về lãi suất nhưng trên thực tế vợ chồng ông T, bà L có trả lãi cho bà B trong khoảng 4 đến 5 tháng. Sau đó vợ chồng ông T, bà L không trả cho bà B bất kỳ khoản tiền lãi nào khác. Số tiền lãi vợ chồng ông T, bà L đã trả cụ thể bao nhiêu đến nay tôi không nhớ.

Từ khi vay tiền đến nay, vợ chồng ông T, bà L chưa trả cho bà B bất kỳ khoản tiền gốc nào. Và đến vợ chồng ông T, bà L vẫn còn nợ bà B số tiền gốc là 300.000.000đồng.

Bà B khẳng định, khi vợ chồng ông T, bà L vay tiền của bà thì ông T, bà L vẫn chung sống cùng nhau tại địa chỉ số 2 ngõ 115 đường Đ, phường Đ, quận B, thành phố H. Vì khi đó, cả ông T và bà L cùng đang bán hàng bún ngan tại địa chỉ số 2 ngõ 115 đường Đ, phường Đ, quận B, thành phố H.

Nay bà Phạm Thị B đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc vợ chồng ông T, bà L phải trả lại cho bà B số tiền nợ gốc là 300.000.000đồng nêu trên và tiền lãi của số tiền trên kể từ ngày 30/12/2018 đến ngày xét xử với mức lãi suất là 8%/năm. Do bà B thấy vợ chồng ông T, bà L cũng đang khó khăn nên bà chỉ yêu cầu mức lãi suất như trên.

Ngoài ra, bà Phạm Thị B không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác.

**\* Tại các Biên bản ghi lời khai tại Tòa án, Bị đơn - bà Phùng Thị Bích L trình bày:**

Bà Phùng Thị Bích L quen biết với bà Phạm Thị B do trước đây bà Loan bán hàng ăn, bà Bích thường xuyên ra quán nhà bà ăn hàng.

Khoảng năm 2018, bà L và chồng là ông Quách Văn T có vay của bà Phạm Thị B tổng số tiền là: 300.000.000đồng ( Ba trăm triệu đồng), cụ thể như sau:

- Ngày 15/6/2018, bà L và ông Quách Văn T vay của bà B 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng), có viết Giấy vay tiền ngày 15/6/2018. Cả bà L và ông T cùng ký vào Giấy vay tiền trên.

- Ngày 03/7/2018, bà L và ông Quách Văn T vay tiếp của bà B số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), có viết Giấy vay tiền ngày 03/7/2018. Ông T là người viết và ký Giấy vay tiền trên. Bà L xác nhận bà có vay của bà B số tiền 100.000.000đồng này nhưng bà L không ký vào Giấy vay tiền.

Tại cả hai Giấy vay tiền trên, giữa bà L và ông T với bà B không thỏa thuận về lãi suất nhưng trên thực tế vợ chồng bà L có trả lãi cho bà B khoảng vài tháng. Sau đó do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng bà L không trả lãi được cho bà B nữa. Số tiền lãi đã trả cụ thể bao nhiêu đến nay bà L không nhớ.

Nay bà L xác nhận bà và ông T vẫn còn nợ bà B số tiền gốc là 300.000.000đồng.

Bà L và ông T đã không sống cùng nhau một thời gian. Bà L và ông T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số 20 ngõ 75 đường Đ, phường Đ, quận B, thành phố H. Nhà đất trên gia đình ông T bà L đã bán đi từ lâu. Hiện nay, bà L đang cư trú sinh sống tại địa chỉ: Số 2 ngõ 115 đường Đ, phường Đ, quận B, thành phố H. Ông T không sinh sống tại địa chỉ này. Hiện nay ông T ở đâu bà L không biết vì bà L không liên lạc với ông T, bà cũng không có điện thoại để liên lạc.

Bà L xác nhận các Giấy vay tiền ngày 15/6/2018 và Giấy vay tiền ngày 03/7/2018 do bà B xuất trình trong hồ sơ vụ án đúng là do bà L và ông T viết và đúng sự thật. Bà L không có tài liệu, chứng cứ gì để nộp cho Tòa án. Bà L không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Do bà L phải điều trị bệnh thường xuyên ở bệnh viện, đi lại khó khăn vì bà L bị nhiều bệnh nên bà không thể đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp giữa bà L và ông T với bà B. Bà L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì bà L cũng không có tiền để trả cho bà B ngay bây giờ. Bà L đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt trong cả quá trình tố tụng giải quyết vụ án của Tòa án, cụ thể: cho bà L được

vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

Nay bà B khởi kiện yêu cầu bà L và ông T phải trả lại cho bà số tiền 300.000.000đồng nêu trên bà L có ý kiến như sau: Hiện nay, bà L bị bệnh phải điều trị thường xuyên tại bệnh viện, không có công ăn việc làm, không có thu nhập, ông T hiện nay không sống cùng bà nữa, bà cũng không liên lạc được với ông T nên bà không có tiền để trả cho bà B ngay bây giờ. Vì vậy, đề nghị bà B tạo điều kiện cho bà L và ông T đến khi nào có tiền thì sẽ trả cho bà B và đề nghị bà B không tính lãi của số tiền gốc nêu trên.

Hiện nay bà L tuổi đã cao, không có công ăn việc làm, không có thu nhập, bệnh tật nhiều nên tôi không có khả năng để đóng án phí. Vì vậy, bà L đề nghị Tòa án cho bà được miễn nộp tiền án phí.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:***

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; việc cấp, tổng đạt và giao nhận văn bản tố tụng dân sự đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử sau khi đã tổng đạt hợp lệ cho đương sự là đúng thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu thu thập được trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự nhận thấy: Yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B. Buộc vợ chồng ông Quách Văn T và bà Phùng Thị Bích L phải trả cho bà Phạm Thị B số tiền gốc 300.000.000đồng và tiền lãi theo yêu cầu của bà B.

Án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí, Bà L có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi nên đề nghị miễn án phí cho bà L. Ông T phải chịu 1/2 án

phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

#### [1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật trong vụ án: Vụ án thụ lý theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị B khởi kiện ông Quách Văn T và bà Phùng Thị Bích L về việc đòi tài sản. Tuy nhiên, xét thấy bà Phạm Thị B cho ông Quách Văn T và bà Phùng Thị Bích L vay tiền có lập giấy tờ. Nay bà B khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T bà L thanh toán trả cả tiền gốc và lãi. Do đó, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn là ông Quách Văn T và bà Phùng Thị Bích L có địa chỉ hộ khẩu thường trú tại số 20 ngõ 75 đường Đ, phường Đ, quận B, thành phố H. Hiện nay bà L vẫn đang cư trú, sinh sống tại số 2 ngõ 115 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản ghi lời khai ngày 20/4/2023, bị đơn bà Phùng Thị Bích L có lời khai xin xét xử vắng mặt. Ông Quách Văn T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Quách Văn T.

- Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét.

- Về thời hiệu giải quyết vụ án: Bị đơn không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu. Hơn nữa, tại Biên bản ghi lời khai tại Tòa án, bị đơn là bà Phùng Thị Bích L đã xác nhận khoản nợ đối với nguyên đơn. Do đó, xác định thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn.

#### [2] Về Nội dung:

- **Về tiền nợ gốc:** Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B yêu cầu ông Quách Văn T và bà Phùng Thị Bích L có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc **300.000.000đồng** (Ba trăm triệu đồng) theo Giấy vay tiền ngày 15/6/2018 và Giấy vay tiền ngày 03/7/2018.

Xét, Nguyên đơn là bà Phạm Thị B và bị đơn là bà Phùng Thị Bích L đều xác nhận có việc vợ chồng bà Phùng Thị Bích L và ông Quách Văn T vay tiền

của bà Phạm Thị B 02 lần, tổng cộng là 300.000.000đồng, khi vay ông T là người viết Giấy vay tiền ngày ngày 15/6/2018 và Giấy vay tiền ngày 03/7/2018, chữ viết và chữ ký tại cả 02 giấy vay tiền trên đều là của ông T. Tại Giấy vay tiền ngày 15/6/2018 có cả ông T và bà L cùng ký.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc bà Phạm Thị B cho vợ chồng ông Quách Văn T và bà Phùng Thị Bích L vay số tiền **300.000.000đồng** (Ba trăm triệu đồng) là có thật. Bà B và bà L cùng xác nhận đến nay vợ chồng ông T bà L vẫn còn nợ bà B số tiền gốc **300.000.000đồng** (Ba trăm triệu đồng).

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà B về việc buộc vợ chồng ông T và bà L phải trả số tiền nợ gốc **300.000.000đồng** (Ba trăm triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

**- Về tiền lãi suất:**

Bà Phạm Thị B và bà Phùng Thị Bích L cùng thống nhất xác nhận khi vay số tiền **300.000.000đồng**, hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Tại 02 Giấy vay tiền ngày 15/6/2018 và Giấy vay tiền ngày 03/7/2018 cũng không ghi thỏa thuận về lãi suất. Bà L thừa nhận, sau khi vay tiền, vợ chồng bà và ông T có trả lãi cho bà B được vài tháng, số tiền cụ thể đã trả bà không nhớ chính xác. Bà B cũng xác nhận, vợ chồng bà L và ông T có trả lãi cho bà trong khoảng 4 đến 5 tháng.

Nay bà B yêu cầu ông T và bà L trả lãi đối với khoản tiền nợ gốc **300.000.000đồng** tạm tính từ ngày 30/12/2018 đến ngày xét xử là 30/6/2023 với mức lãi suất như sau: 8%/năm.

Về việc trả nợ lãi, bà B và bà L cùng xác nhận, sau khi vay tiền, vợ chồng bà L có trả tiền lãi cho bà B được vài tháng sau đó không trả thêm bất kỳ khoản tiền gốc và lãi nào, số tiền lãi đã trả cả hai bên đều không nhớ chính xác.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định vợ chồng bà L và ông T vay tiền của bà B có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ mức lãi suất. Nay bà B yêu cầu bà L và ông T trả lãi cho bà với mức lãi suất 8%/năm là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Về thời gian tính lãi, bà L trình bày có trả lãi cho bà B được vài tháng. Bà B xác nhận có nhận tiền lãi của bà L và ông T trong khoảng 4 đến 5 tháng. Thời điểm lần thứ 2 ông T và bà L vay tiền xác định là ngày 03/7/2018. Nay bà B yêu cầu tính lãi từ ngày 30/12/2018 đến ngày xét xử 30/6/2023 là phù hợp với lời khai của các đương sự về thời gian chưa tính lãi nên được chấp nhận.

Do đó, xác định số tiền lãi bà L và ông T còn nợ bà B là:

$300.000.000đ \times 8\%/năm \times 54 \text{ tháng} = 108.000.000đ$  (Một trăm linh tám triệu đồng)

Vì vậy, buộc ông T và bà L phải thanh toán trả cho bà B số tiền nợ gốc là **300.000.000đồng** (Ba trăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi là **108.000.000đồng** (Một

trăm linh tám triệu). Tổng cộng là **408.000.000đồng** (Bốn trăm linh tám triệu đồng).

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002725 ngày 22/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

- Bà L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí. Ông T phải chịu  $\frac{1}{2}$  án phí dân sự sơ thẩm là: **10.160.000đồng** (Mười triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Vì các căn cứ nhận định trên của Hội đồng xét xử;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, 266, 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Xử:**

[1]. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị B đối với ông Quách Văn T và bà Phùng Thị Bích L.

- Buộc ông Quách Văn T và bà Phùng Thị Bích L phải trả cho bà Phạm Thị B tổng số tiền còn nợ gốc và nợ lãi là **408.000.000đồng** (Bốn trăm linh tám triệu đồng), trong đó: Nợ gốc là **300.000.000đ** (Ba trăm triệu đồng); Tiền lãi là **108.000.000đồng** (Một trăm linh tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà Phùng Thị Bích L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Quách Văn T phải chịu  $\frac{1}{2}$  án phí dân sự sơ thẩm là: **10.160.000đồng** (Mười triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Bà Phạm Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà B số tiền **7.500.000đồng** (*Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002725 ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**[3]. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về những vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP. H;
- VKSND quận B;
- Chi Cục THA dân sự quận B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Dương Thị Sen**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Dương Thị Sen**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP. H;
- VKSND quận B;
- Chi Cục THA dân sự quận B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Dương Thị Sen**